

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 79/2021/ HS-ST

Ngày 28 tháng 9 năm 2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Tuấn Kiệt

Bà Lâm Thị Nguyệt Hồ

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Kép – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Danh Lê Minh Trí – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 58/2021/TLST-HS ngày 08 tháng 6 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2021/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 7 năm 2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Hoàng A** (tên gọi khác: Hai N), sinh năm 1994 tại Bạc Liêu; Nơi cư trú: Số A, Khóm Đ, phường N, tỉnh Bạc Liêu; Nghề nghiệp: Mua bán; Dân tộc: Kinh; Trình độ học vấn: 09/12; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Hoàng N, sinh năm 1979 và bà Tô Ánh D, sinh năm 1975; Vợ tên Hồng Diệ, sinh năm 1997; có 01 người con sinh năm 2016; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị khởi tố bị cáo ngày 23/02/2021 và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay (bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị hại: Bà Lâm Thị T, sinh 1968. Địa chỉ: Ấp Năm Căn, xã Vĩnh Tân, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Lê Hoàng A làm nghề bán trứng vịt và trú tại số 138/1, Khóm Đ, phường N, thành phố B. Khoảng 14 giờ, ngày 27/01/2021, Lê Hoàng A điều khiển xe mô tô đến nhà anh Trần Văn P, trú tại ấp X, xã H, thành phố B để giao trứng vịt. Sau khi giao trứng vịt xong, Lê Hoàng A ra về thì nhìn thấy xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Air Blade, màu cam đen, biển kiểm soát 83P2-592.90 của bà Lâm Thị T đang đậu phía trước sân nhà anh P và có cắm sẵn chìa khóa nên nảy

sinh ý định mở cốp yên xe lục soát tìm tài sản lấy trộm. Quan sát thấy không có người trông coi, Lê Hoàng A đi đến mở khóa cốp xe biển kiểm soát 83P2-592.90 thì thấy có 01 túi vải màu xám, bên trong có: 01 vòng đeo tay vàng 23K, trọng lượng 02 chỉ; 01 lắc đeo tay vàng 14K, trọng lượng 0,92 chỉ; 01 nhẫn vàng 18K, trọng lượng 05 phân 35 ly; 01 nhẫn vàng 23K, trọng lượng 01 chỉ; 01 lắc vàng 17K, trọng lượng 04 phân 95 ly; 01 lắc vàng 15K, trọng lượng 1,69 chỉ; 01 sợi dây chuyền vàng 17K, trọng lượng 1,44 chỉ và 01 sợi dây chuyền vàng 14K, trọng lượng 09 phân 75 ly nên lấy trộm rồi đi ra ngoài điều khiển xe về nhà cất giấu túi vàng. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày 27/01/2021, bà Lâm Thị T phát hiện mất trộm số vàng trên nên đến Công an xã H, thành phố B trình báo sự việc. Sau đó, Công an xã H, thành phố B tiến hành mời Lê Hoàng A về cơ quan làm việc. Qua đấu tranh, Lê Hoàng A khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và giao nộp các tang vật có liên quan. Qua kiểm tra, bà Lâm Thị T xác định chính là tài sản của bà bị mất trộm. (Bút lục: 37-46; 47-50; 51-70).

Tại kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐGTS ngày 17/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự xác định:

+ 01 (một) chiếc vòng đeo tay, vàng 23K và 01 (một) chiếc nhẫn, vàng 23K, tổng trọng lượng 03 chỉ, có giá trị thành tiền là 16.530.000 đồng cùng tiền công thợ là 450.000 đồng.

+ 01 (một) chiếc nhẫn vàng 18K, có đính hột màu trắng, trọng lượng 05 phân 35 ly, có giá trị thành tiền là 2.218.645 đồng cùng tiền công thợ là 180.000 đồng.

+ 01 (một) lắc đeo tay bằng vàng 17K và 01 (một) sợi dây chuyền bằng vàng 17K, tổng trọng lượng 1,935 chỉ, có giá trị thành tiền là 8.024.445 đồng cùng tiền công thợ là 410.000 đồng.

+ 01 (một) lắc đeo tay bằng vàng 15K, trọng lượng 1,69 chỉ, có giá trị thành tiền là 5.700.370 đồng cùng tiền công thợ là 220.000 đồng.

+ 01 (một) chiếc lắc, vàng 14K và 01 (một) sợi dây chuyền, vàng 14K, tổng trọng lượng 1,895 chỉ, có giá trị thành tiền là 6.391.835 đồng cùng tiền công thợ là 380.000 đồng và 01 (một) túi vải nhỏ màu xám, có giá trị thành tiền là 6.000 đồng.

Tổng giá trị thành tiền mà Lê Hoàng A chiếm đoạt là **40.511.295 đồng**.

Tại bản Cáo trạng số 46/CT-VKSTPBL ngày 14/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo Lê Hoàng A về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

* Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Lê Hoàng A và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố Lê Hoàng A phạm tội trộm cắp tài sản.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Hoàng A từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận tài sản và không yêu cầu gì khác nên không đặt ra xem xét.

+ Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

- Bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Bị cáo đã được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, bị hại đã được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng vắng mặt. Xét thấy, bị cáo đã có đầy đủ lời khai tại giai đoạn điều tra, sự vắng mặt của bị hại không cản trở cho việc xét xử, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo, bị hại.

[3] Lời khai, lời nhận tội của chính bị cáo trong giai đoạn điều tra phù hợp với lời khai của bị hại về thời gian, địa điểm thực hiện tội phạm và đặc điểm tài sản bị chiếm đoạt; đồng thời phù hợp với kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ những chứng cứ trên, đủ căn cứ chứng minh:

Vì động cơ tham lam, vụ lợi bất chính, khoảng 14 giờ 30 phút, ngày 27/01/2021, tại ấp X, xã H, thành phố B, bị cáo Lê Hoàng A đã lén lút lấy trộm 01 (một) túi vải màu xám, bên trong có 03 chỉ vàng 23K, có giá trị thành tiền là 16.530.000 đồng cùng tiền công thợ là 450.000 đồng; 05 phân 35 ly vàng 18K, có giá trị thành tiền là 2.218.645 đồng cùng tiền công thợ là 180.000 đồng; 1,935 chỉ vàng 17K, có giá trị thành tiền là 8.024.445 đồng cùng tiền công thợ là 410.000 đồng; 1,69 chỉ vàng 15K, có giá trị thành tiền là 5.700.370 đồng cùng tiền công thợ là 220.000 đồng và 1,895 chỉ vàng 14K, có giá trị thành tiền là 6.391.835 đồng cùng tiền công thợ là 380.000 đồng, tổng giá trị thành tiền là 40.511.195 đồng của bà Lâm Thị T.

Trước và trong khi thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản, bị cáo Lê Hoàng A có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội này của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của bị hại mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương nên cần xử phạt đối với bị cáo để giáo dục bị cáo và còn nhằm mục đích phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét đến các tình tiết: Trong giai đoạn điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Xét thấy, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện ý thức xem thường pháp luật, không những xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của bị hại mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Việc truy tố và xét xử bị cáo là cần thiết để giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[6] Trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lê Hoàng A (tên gọi khác: Hai N) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Lê Hoàng A (tên gọi khác: Hai N) 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Buộc bị cáo Lê Hoàng A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Án xử công khai, bị cáo, bị hại (vắng mặt tại phiên tòa) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND Tp. B;
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu;
- Nhà tạm giữ Công an Tp. B;
- Chi cục THADS Tp. B;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Tâm

Mặc dù bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, trong vụ án này, sau khi Công an thành phố B ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị cáo thì bị cáo Thành đã có hành vi bỏ trốn và ngày 30/7/2018 Công an thành phố B đã ra Quyết định truy nã, đến ngày 19/12/2018 đình nã. Đồng thời, bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS là phạm tội từ hai lần trở lên. Như vậy, căn cứ Khoản 2 và Khoản 5 Điều 3, Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Nguyễn Liên Thành thuộc trường hợp không cho hưởng án treo: “*Người thực hiện hành vi phạm tội bỏ trốn và đã bị các cơ quan tiến hành tố tụng đề nghị truy nã*” và “*Người phạm tội nhiều lần*”.

[9] Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận, nhưng hình phạt kiểm sát viên đề nghị xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù là có phần nghiêm khắc. Như đã nhận định ở trên: Giá trị tài sản bị chiếm đoạt không lớn, phạm tội thuộc trường hợp bắt quả tang, tài sản đã trả lại cho bị hại; bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên xem xét áp dụng xử phạt bị cáo mức hình phạt bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam là đã tương xứng với tính chất hành vi của bị cáo.